TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LỘC** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Bùi Đức Thập
Ông Nguyễn Xuân Biền

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10-5-2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2019/TLST-HNGĐ ngày 11-4-2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25-4-2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1984.
Hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương.
Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1979.
Hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn A, xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-3-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đoàn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Bùi Văn T vào ngày 03-8-2010 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm

hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách của vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên hay xảy ra cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh T nghe theo lời mẹ đẻ, không tự quyết được mọi chuyện trong gia đình, còn thường xuyên đánh đập, chửi mắng chị. Do mâu thuẫn nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, không có cuộc sống chung nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Bùi Văn N, sinh ngày 06-3-2012. Chị xin nuôi cháu N và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn anh Bùi Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, việc đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, trong cuộc sống vợ chồng chỉ nảy sinh những mâu thuẫn nhỏ. Khoảng tháng 8 năm 2018, vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn do anh không đón được con theo yêu cầu của chị L, vợ chồng xảy ra cãi cọ nhau, trong lúc đó anh có tát chị L một, hai cái. Mẹ đẻ anh cũng đã can thiệp, hòa giải cho vợ chồng nhưng chị L còn cãi lại mẹ anh. Sau đó, chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở đến nay. Trong thời gian qua, do anh bận công việc, không đến tìm chị L được nhưng anh vẫn liên lạc với chị L qua điện thoại và bày tỏ nguyện vọng đón chị L về đoàn tụ nhưng chị L không đồng ý. Bản thân anh hiện nay cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L nên không nhất trí ly hôn. Nếu chị L vẫn cương quyết giữ nguyên quan điểm muốn ly hôn, anh đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

- Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung như chị L trình bày. Hiện cháu N đang ở với chị L. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đồng ý để chị L nuôi con, anh không phải đóng góp tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương, đại diện địa phương cung cấp: Chị Đoàn Thị L và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống, chị L và anh T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể thì địa phương không biết. Chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ cuối năm

2018. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo đơn của chị L để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Đoàn Văn N và bà Phạm Thị X là bố mẹ đẻ chị L cung cấp: Quá trình chung sống, chị L và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau, anh T nhiều lần đánh chị L. Kể cả khi về nhà ông bà chơi, anh T cũng đánh chị L. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T nghe lời mẹ đẻ, không tự quyết định được mọi việc trong gia đình. Đầu tháng 9 năm 2018, gia đình anh T đuổi chị L khỏi nhà, chị L phải đi thuê trọ rồi về nhà ông bà ở đến nay. Quan điểm của gia đình ông bà về việc chị L xin ly hôn là ông bà tôn trọng ý kiến của anh chị.

Bà Đỗ Thị X là mẹ đẻ anh T cung cấp: Quá trình chung sống, giữa chị L và anh T chỉ xảy ra mâu thuẫn nhỏ. Anh T chịu khó lao động để lo kinh tế gia đình nhưng chị L lại tự quyết mọi việc, bắt anh T phải nghe theo. Giữa bà và chị L cũng có mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày nhưng sau đó mẹ con đã hòa thuận. Chị L đã đi khỏi nhà bà từ khoảng tháng 8, 9 năm 2018. Gia đình bà khuyên bảo nhưng chị L không về, em gái chị L còn ngăn cản không cho bà gặp cháu. Quan điểm của gia đình bà về việc ly hôn thì để anh T tự quyết định, còn trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn anh T thì chị L phải chịu mọi chi phí nuôi con mà anh T không phải đóng góp gì.

Tại phiên toà:

Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T, chị xin nuôi cháu N, không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Anh T không đồng ý ly hôn, nhất trí giao con chung cho chị L nuôi dưỡng với điều kiện sau này nếu chị L kết hôn với người khác hoặc đi làm xa thì phải giao con chung cho anh nuôi dưỡng; anh không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị L ly hôn anh T. Về nuôi con chung: Giao con chung Bùi Văn N, sinh ngày 06-3-2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị L và anh Bùi Văn T kết hôn năm 2010 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn giữa chị L và gia đình chồng dẫn đến việc vợ chồng cãi nhau, xô xát. Anh T cũng thừa nhận có vài lần tát chị L. Năm 2018, chị L về bên ngoại ở, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Anh T không có biện pháp tích cực nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Tòa án tiến hành hòa giải, T điều kiện cho anh chị đoàn tụ nhưng chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn. Thực tế vợ chồng anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần cho chị L ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị L và anh T có một con chung là Bùi Văn N, sinh ngày 06-3-2012, hiện đang ở với chị L. Chị L xin nuôi con, anh T đồng ý giao con chung cho chị L nuôi dưỡng với điều kiện sau này nếu chị L kết hôn với người khác hoặc đi làm xa thì phải giao con chung cho anh nuôi. Để giao con chung cho ai nuôi dưỡng thì Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T làm thợ xây, thu nhập không ổn định, còn chị L đang làm công nhân tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Ha Hae Việt Nam, có thu nhập ổn định nên có điều kiện hơn trong việc nuôi dưỡng cháu N. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu N vẫn ở cùng chị L và được đảm bảo đầy đủ về sinh hoạt, học tập; mặt khác, cháu N có nguyện vọng xin ở với mẹ. Do vậy, cần giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng đến khi cháu N thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội

đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị L ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung Bùi Văn N, sinh ngày 06-3-2012 cho chị Đoàn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003629 ngày 09-4-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh